

Phụ lục số 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *J88* /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày *02* tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 10 năm 2016.
 - Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của

Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng (ngành nghề chính).

- Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;
- + Ban Kiểm soát: 03 thành viên;
- + Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);
- + Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc;
- + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
- + Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 01 Trạm y tế, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn: Trong năm 2018, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Áp dụng công nghệ khai thác hợp lý đối với vỉa dốc >45 độ nhằm tận thu tối đa tài nguyên bằng công nghệ sử dụng dàn mềm ZRY.

+ Duy trì diện sản xuất ổn định cho máy com bai đào lò (AM-50Z) đối với gương lò than tiết diện lớn nhằm tăng sản lượng, tiến độ, cùng với việc sử dụng băng tải đưa vào hoạt động phục vụ thi công đào lò và khai thác lò chợ nhằm giảm nhân lực dây chuyền và tăng năng suất lao động.

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu khai thác dưới mức -250; nhằm duy trì ổn định sản xuất cho các năm tiếp theo khi kết thúc khai thác mức -250.

+ Nâng cao năng lực vận tải mỏ khu trung tâm mỏ Mông Dương.

+ Hoàn thiện dự án nâng cao năng lực thoát nước mỏ ứng phó điều kiện biến đổi khí hậu cực đoan.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -250 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vỉa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -250 gây nguy cơ bục nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua
(A)	(B)	(C)	1	2	3	(5=3/1)	(4=3/2)
1	Sản lượng						
1.1	Than sản xuất	Tấn	1.450.000	1.450.000	1.524.000	105	105
	+ Hàm lò	Tấn	1.300.000	1.300.000	1.337.000	103	103
	+ Lộ thiên	Tấn	150.000	150.000	187.000	125	125
1.2	Đất đá bóc xúc	M3	2.011.000	1.550.000	2.041.000	101	132
1.3	Mét lò đào	M	18.700	15.850	15.880	85	100
1.4	Than tiêu thụ	Tấn	1.476.000	1.430.000	1.472.000	100	103
2	Tổng doanh thu	Tr.đg	1.673.131	1.858.469	1.958.689	117	105
3	Giá trị đầu tư	Tr.đg	202.519	187.342	166.270	82	89
	- Xây lắp	Tr.đg	50.704	54.480	40.122	79	74
	- Thiết bị	Tr.đg	136.797	120.864	120.092	88	99
	- Chi phí khác	Tr.đg	15.018	11.998	6.056	40	50
4	Lợi nhuận	Tr.đg	22.954	22.954	29.957	131	131
5	Cổ tức	%	6		6		

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ % MDC		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	

1	Nguyễn Quế Thanh	Giám đốc		0	
2	Tạ Văn Bền	P.Giám đốc		0,041	
3	Vũ Tiến Quang	P.Giám đốc		0,005	
4	Hoà Quang Trung	P.Giám đốc		0,016	
5	Hoàng Trọng Hiệp	P.Giám đốc		0,004	
6	Nguyễn Hữu Hùng	P.Giám đốc		0,008	
7	Phạm Cẩm Hải	KT trưởng		0	

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành: Trong năm 2018, Công ty có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành cụ thể như sau:

(1) Ngày 17/04/2018, Công ty bổ nhiệm ông Phạm Cẩm Hải tạm thời phụ trách công tác Kế toán, Tài chính của Công ty thay cho bà Phạm Thị Hải – Kế toán trưởng cũ. Đến ngày 25/12/2018, Ông Phạm Cẩm Hải được HĐQT bổ nhiệm chính thức giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty

(2) Ngày 09/06/2018, HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Hùng – Trưởng Phòng Cơ điện – Vận tải giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty

- **c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2018: 3.286 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 13.024.000 đồng/người/tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2018 (điều chỉnh) được TKV thông qua tại văn bản số 5633/TKV-ĐT ngày 29/10/2018, Công ty thực hiện:

- Chuyển tiếp 03 dự án gồm: (i) Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương-Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh); (ii) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân; (iii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017;

- Khởi công mới 03 dự án gồm: (i) Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2018; (iii) Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò.

- Chuẩn bị 05 dự án gồm: (i) BCKTKT Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt công suất 1000m³/ngày đêm và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày đêm; (ii) BCKTKT đầu tư xây dựng đập chắn đất đá bãi thải khai trường I-12 Cánh Đông; (iii) Dự án Đầu tư tự động hoá hệ thống hầm bom mức -250 khu Đông Bắc Mông Dương; (iv) Dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương; (v) BCKTKT khai thác lộ thiên Mỏ Mông Dương.

Tình hình thực hiện cụ thể các dự án như sau:

3.1. Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh):

Mục tiêu đầu tư nhằm duy trì sản lượng khai thác than mỏ than Mông Dương theo Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tổng mức đầu tư dự án 1.192.725 triệu đồng. Dự án còn 02 hạng mục Nhà ĐHSX công trường số 2; Hệ thống cấp nước trong lò (cấp nước cứu hoả). Trong năm 2018 Công ty đã thi công xong và đưa vào sử dụng hạng mục Nhà ĐHSX công trường số 2, đang triển khai thi công hạng mục Hệ thống cấp nước trong lò (cấp nước cứu hoả) dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2019 và quyết toán dự án trong năm 2019.

3.2. Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:

Mục tiêu đầu tư là phục vụ nhu cầu nhà ở tập thể cho công nhân (hộ độc thân và tái định cư cho những gia đình công nhân cán bộ hiện đang sinh sống trong khu này) của Công ty. Tổng mức đầu tư dự án 267.368 triệu đồng được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn I xây dựng lô C2 với tổng mức đầu tư 69.804 triệu đồng thời gian thực hiện năm 2013-2014, giai đoạn II xây dựng lô C1, C3 thời gian thực hiện năm 2015-2016.

Trong năm 2018 Công ty thực hiện thanh toán nốt một số hạng mục thuộc dự án đồng thời thực hiện Công tác điều chỉnh dự án. Hiện nay Tập đoàn TKV đã thông qua chủ trương điều chỉnh và Công ty đang lập dự án điều chỉnh. Dự trong năm 2019 sẽ thực hiện quyết toán dự án.

3.3. Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2018:

Mục tiêu đầu tư dự án, đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2017 và các năm tiếp theo. Trong năm 2018 Công ty thực hiện tiếp nhận thiết bị giàn chống mềm ZRY và thực hiện mua sắm thiết bị an toàn đồng thời Quyết toán dự án trong năm 2018.

3.4. Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư dự án để ứng cứu sự cố trong điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan xảy ra có mưa lớn kéo dài dẫn đến lưu lượng nước chảy vào hầm lò tăng đột biến gây ngập mỏ. Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 4324/TKV-ĐT ngày 12/9/2017, Công ty phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-TMD ngày 03/10/2017 với tổng mức đầu tư của dự án 103.146 Tr.đồng.

Trong Năm 2018 Công ty đã thực hiện xong các hạng mục mua sắm Máy phát điện, Tủ khởi động mềm.Thi công và đưa vào sử dụng hạng mục Đường ống Inox thoát nước khu ĐBMD, nhà che trạm phát điện Diezen khu Trung tâm và khu ĐBMD. Hiện tại đang thi công hạng mục đường dây trên không 6kV đến trạm PP 6kV mặt bằng +40 ĐBMD. Dự kiến trong năm 2019 sẽ hoàn thành và quyết toán dự án.

3.5. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2018:

Mục tiêu đầu tư dự án, đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2018 và các năm tiếp theo. Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 1883/TKV-ĐT ngày 13/4/2018 sau đó được Công ty phê với tổng mức đầu tư là 30.725 Tr.đồng. Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện các hạng mục của dự án. Khối lượng còn lại chuyển tiếp năm 2019 gồm: Hệ thống tưới nước phun sương dập bụi, cân phân tích điện tử, máy bộ đàm, máy cứu sinh, kiểm toán dự án hoàn thành.

3.6. Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư dự án để tận thu triệt để trữ lượng tài nguyên có trong ranh giới khai thác. Trong năm 2018 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu lập BCKTKT dự án. Dự kiến Công ty sẽ phê duyệt dự án trong năm 2019 để triển khai thực hiện.

3.7. BCKTKT đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò

Mục tiêu đầu tư việc trang bị hệ thống rửa mũi nhằm giảm thiểu bệnh nghề nghiệp do nhiễm bụi than để nâng cao sức khỏe cho công nhân hầm lò. Trong năm 2018 Công ty đã thi công hoàn thiện hạng mục và đưa vào sử dụng.

3.8. BCKTKT Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt công suất 1000m³/ngày đêm và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày đêm

Trong năm 2018 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu lập BCKTKT dự án và nhà thầu Khảo sát xây dựng. Dự kiến trong quý I năm 2019 Công ty sẽ phê duyệt và triển khai thực hiện các hạng mục của dự án.

3.9. BCKTKT đầu tư xây dựng đập chắn đất đá bãi thải khai trường I-12 Cánh Đông

Công ty không thực hiện dự án do thay đổi mục tiêu đầu tư.

3.10. Dự án Đầu tư tự động hoá hệ thống hầm bơm mức -250 khu Đông Bắc Mông Dương và Dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương

Công ty đã trình Hội đồng quản trị đề cương. Dự kiến chuyển tiếp thực hiện dự án trong năm 2019.

3.11. Kết quả thực hiện kế hoạch năm.

Theo kế hoạch điều chỉnh của Công ty được TKV thông qua tại văn bản số 5633/TKV-ĐT ngày 29/10/2018 với tổng giá trị 188.181 triệu đồng, trong đó Công ty dự kiến thực hiện đến thời điểm 31/12/2018 được 166.270 triệu đồng, đạt 88% kế hoạch.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ		% Tăng giảm (3=1/2)
		NĂM NAY 2018 (1)	NĂM TRƯỚC 2017 (2)	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.957.178.368.772	1.444.346.612.605	135,51%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.957.178.368.772	1.444.346.612.605	135,51%
4	Giá vốn hàng bán	1.740.492.630.571	1.228.557.989.853	141,67%
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.685.738.201	215.788.622.752	100,42%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	626.678.997	598.270.886	104,75%
7	Chi phí tài chính	71.795.972.544	58.469.907.361	122,79%
	Trong đó: chi phí lãi vay	65.910.242.544	61.828.196.331	106,60%
8	Chi phí bán hàng	18.612.137.993	14.123.957.528	131,78%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.563.856.995	122.704.507.828	79,51%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.340.449.666	21.088.520.921	139,13%
11	Thu nhập khác	829.508.474	555.496.709	149,33%
12	Chi phí khác	212.956.110	2.338.340.968	9,11%
13	Lợi nhuận khác	616.552.364	-1.782.844.259	-34,58%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.957.002.030	19.305.676.662	155,17%
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.533.977.344	7.998.240.335	94,20%
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	674.231.263		-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.748.793.423	11.307.436.327	192,34%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,015	528	0,19%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,694	0,654	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0,639	0,606	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,821	0,832	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,599	4,949	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	40.152	54,870	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,094	1,372	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,008	0,011	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,049	0,091	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,009	0,015	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,015	0,015	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Thuế	Đồng	257.953.431.481	328.734.156.809
-	Thuế giá trị gia tăng	Đồng	92.949.892.797	112.605.425.580
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	7.998.240.335	7.533.977.344
-	Thuế thu nhập cá nhân	Đồng	2.611.786.672	3.879.686.679
-	Thuế tài nguyên	Đồng	149.136.938.760	201.344.043.716
-	Thuế đất và tiền thuê đất	Đồng	5.247.572.917	3.368.023.490
-	Các loại thuế khác	Đồng	9.000.000	3.000.000
2	Các loại phí và lệ phí	Đồng	129.362.920.000	119.690.043.580
-	Phí bảo vệ môi trường	Đồng	12.680.392.000	15.713.887.580
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Đồng	116.682.528.000	103.976.156.000
	Tổng cộng	Đồng	387.316.351.481	448.424.200.389

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	21	2.074
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	11.571.854	54,03%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	479.734	2,239%		1
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	5.727.489	26,74%	19	2.073
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>1.689.907</i>	<i>7,89%</i>		<i>968</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	11.571.854	54,03%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.815.690	17,81%	3	10

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 11.571.854 cổ phần, chiếm 54,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2018 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ trực tiếp: 21.114.012 kw/h;

- Tiêu thụ gián tiếp: 19.153 lít dầu diesel và 1.104 tấn than.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 1.053.000 kw/h

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính: (i) Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ; (ii) Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2017 lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

- Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ cung cấp cho các nhu cầu như: Tắm giặt, các khu vệ sinh, phun sương dập bụi... là: 150.000 m³;

- Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả phục vụ ăn uống, lọc nước tinh khiết là: 51.745 m³.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là: 5.764.581 m³; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2018: 14,578 tỷ đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 3.286 người. Mức lương bình quân năm 2018: 13.024.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã tập trung xem xét, đầu tư cơ giới hóa tối đa hệ thống vận chuyển vật liệu cho hầm lò. Đặc biệt là vận chuyển gần gương cho các đơn vị đào lò; Duy trì hệ thống vận chuyển người trên các tuyến lò nghiêng, các tuyến lò bằng từ 1.000 mét; Ngoài ra duy trì và đầu tư đổi mới thiết bị khoan, xúc đất đá cho các gương lò đào, các thiết bị công nghệ mới trong hệ thống vận chuyển.... để giảm sức lao động cho công nhân hầm lò.

- Tập trung soát xét và tổ chức sử dụng triệt để tối đa các loại vật tư vật liệu và khai thác tối đa tài nguyên than để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và có cổ tức cho Cổ đông.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động VHVN khác.

- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động: Duy trì phục vụ ăn uống đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho công nhân, thường xuyên cải tiến khâu phục vụ ăn uống, đặc biệt ca 3; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Năm 2018 đã khám bệnh nghề nghiệp cho 6.217 lượt người (Trong đó: Người làm việc trong hầm lò, làm việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và lao động nữ khám 02 lần); Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 442 người; Thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ đối với người lao động như: Giải quyết cho 92 người nghỉ chế độ hưu trí, 295 người đi điều dưỡng, 3.258 người đi thăm quan nghỉ dưỡng sức.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong năm 2018 cũng như các năm tiếp theo, để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh đòi hỏi Công ty phải có một đội ngũ lao động lành nghề. Do đó công tác chuẩn bị nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ lao động được Công ty hết sức quan tâm.

- Tuyển học sinh khai thác hầm lò, cơ điện lò gửi đi đào tạo theo Quy chế 2441 của TKV: Công ty đã áp dụng nhiều hình thức như thông qua CBCNV trong Công ty, thường xuyên phối hợp với trường Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản để tuyển sinh nhưng chưa đạt được yêu cầu kế hoạch đề ra (Năm 2018 tuyển được 214 HS).

- Huấn luyện AT theo nghị định 44 của Chính phủ: Thực hiện Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động trong năm 2018 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản, Trung tâm huấn luyện ATLĐ tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm Kiểm định AT 1 huấn luyện cho 958 lao động (680 lao động nhóm 3; 259 lao động nhóm 6 và 18 lao động nhóm 5) đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đánh giá kỹ năng nghề: Thực hiện Điều 31 và Điều 35 Luật việc làm; Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2018 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cho 543 công nhân nghề khai thác, đào lò và Cơ điện mỏ hầm lò.

- Trong năm 2018 tổ chức huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 562 CBCNV, bồi dưỡng cán bộ CHSX 109 người; huấn luyện kiêm nghề, thêm nghề cho 120 người và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 310 người; huấn luyện công nhân mới tuyển 189 người.

- Tổ chức tham gia các Hội thi của Tập đoàn: Chủ trì tổ chức hội thi thợ giỏi cấp Tập đoàn đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, TGM tổ chức thi cấp cứu mở bán chuyên đạt giải nhất toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, Công đoàn Công ty tổ chức thi ATVSV đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyên góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2018, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2018, tình hình kinh tế và thương mại toàn cầu có bước tăng trưởng. Trong nước Đảng và Chính phủ đã tích cực triển khai thực hiện thanh kiểm tra phòng chống tham nhũng;

Nhu cầu thị trường than trong nước cuối năm 2018 tăng cao do nhu cầu sử dụng năng lượng tăng lên, các nhà máy nhiệt điện tăng công suất làm cho nhu cầu dùng than trong nước tăng đột biến; giá than và giá một số loại khoáng sản tăng; điều kiện thời tiết thuận lợi. Tập đoàn đã điều chỉnh tăng thêm sản lượng cung cấp than sản xuất điện, đồng thời tổ chức phát động chiến dịch thi đua 90 ngày đêm sản xuất và tiêu thụ than; hưởng ứng chiến dịch, tập thể, CBCNV lao động toàn Công ty đã phát huy tối đa mọi nguồn lực, cùng nhau đoàn kết, do đó Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2018;

Đạt được thành tích nêu trên ngoài sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, CNVC toàn Công ty trong việc điều hành sản xuất, còn có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số khó khăn đó là: Đối với Công ty sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện địa chất biến động mạnh khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thẩm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là

lao động hàm lò gặp nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề trên thị trường lao động.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995
1.1	Tài sản ngắn hạn	371.461.747.286	467.056.070.757
1.2	Tài sản dài hạn	949.039.171.416	959.520.170.238
	Trong đó: TSCĐ HH	565.952.044.052	569.242.933.799
2	Doanh thu thuần	1.444.346.612.605	1.957.178.368.772
3	Lợi nhuận trước thuế	19.305.676.662	29.957.002.030
4	Lợi nhuận sau thuế	11.307.436.327	21.748.793.423

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	535.425.804.330	713.981.015.770	133,35%
1	Vay và nợ ngắn hạn	278.920.278.127	237.174.123.842	85,03%
2	Phải trả người bán	181.740.275.877	332.427.418.659	182,91%
B	Nợ dài hạn	549.228.152.081	472.812.824.015	86,09%
1	Vay và nợ dài hạn	549.228.152.081	466.510.538.186	84,94%
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	1.084.653.956.411	1.186.793.839.785	109,42%

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đến hết năm 2018 cơ cấu tổ chức của Công ty đã sắp xếp đúng theo mô hình mẫu của Tập đoàn (13 phòng, 23 PX và 01 Trạm Y tế). Các phòng ban, PX đã được sắp xếp khoa học và tối ưu hơn trước, nhiệm vụ được phân định rõ

ràng không bị chòng chéo giúp các phòng chủ động và phát huy được năng lực quản lý điều hành.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Năm 2018, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể: Đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo khung trang sạch đẹp sẽ góp phần cùng địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.

- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến cống rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp mở, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công cho Công nhân:

- Về công nghệ khai thác: Hiện nay 100 % lò chọ chống giữ bằng giá khung, giá thủy lực di động, giàn thủy lực mềm... không còn lò chọ chống gỗ, thủy lực đơn.

- Về đào chống lò: Công ty đã đầu tư máy khoan 2 cần, khoan tamroks và dây chuyên bóc xúc đất đá bằng các loại máy xúc lật hông, kết hợp gòong 3 tấn

tàu điện AM 8Ă; Duy trì dây chuyền đào lò bằng máy combai AM-50Z đối với những gương lò có điều kiện địa chất cho phép; Chống lò bằng vì neo.

- Về vận tải: Đầu tư hệ thống dây chuyền vận tải trên các tuyến lò nghiêng điều kiện hợp lý lắp đặt băng tải vận chuyển đất đá, than; đường lò bằng dài hệ thống tàu điện AM 8Ă và goòng 3 tấn vận chuyển vật liệu, đất đá, than; đầu tư hệ thống Camera theo dõi ở các tuyến trục chính và các vị trí sản xuất; đầu tư hệ thống máy nạo vét than, đất đá dính goòng 3 tấn tại các mức trong hầm lò; Trang bị đầy đủ hệ thống mono ray, tời thuyền chở vật liệu đến tận gương lò giảm thiểu công tác vận chuyển thủ công; quy hoạch diện sản xuất cho các đơn vị phù hợp giảm thiểu tối đa số lần chuyển điện trong năm.

- Các giải pháp về vận chuyển người từ cửa lò đến gần gương lò: Công ty đã cơ giới hóa toàn bộ tuyến đi lại và làm việc trong hầm lò, trang bị các thiết bị máy móc giảm bớt sức lao động và an toàn trong quá trình sản xuất:

- Duy trì 04 hệ thống tời chở người ở các tuyến lò nghiêng phục vụ công tác đi lại cho CBCN, duy trì việc vận chuyển người trong các tuyến lò bằng ở các mức bằng hệ thống tàu điện AM 8Ă và toa xe chuyên dùng.

- Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại mặt bằng sản công nghiệp và các vị trí sản xuất trong hầm lò có hàm lượng bụi cao.

- Công ty đã đầu tư hệ thống cảnh báo khí mêtan tự động của Balan với 02 tủ KSP-2C được kết nối với 50 đầu đo khí CH₄, 18 đầu đo khí CO, 16 đầu đo gió tại các vị trí quan trọng, 03 đầu đo hạ áp, 05 đầu đo H₂ và duy trì hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động ổn định.

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Công ty đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, đào thêm nghề cho một số đối tượng đáp ứng được yêu cầu SXKD và nguyện vọng của cá nhân.

- Công tác tuyển lao động để đưa đi đào tạo nghề: Năm qua Công ty đã phối kết hợp với các trường để tuyển dụng lao động, chủ động liên hệ với các địa phương vùng cao, vùng có khó khăn về kinh tế, việc làm trong Tỉnh để tuyển lao động đi đào tạo thợ lò. Tuy nhiên kế quả chưa đạt được kế hoạch đã đặt ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Năm 2018, nhu cầu thị trường than trong nước tăng cao (đặc biệt là than cho sản xuất điện) giá than trong nước và giá than thế giới được điều chỉnh tạo đà cho công tác SX và tiêu thụ than; điều kiện thời tiết thuận lợi. Tập đoàn đã điều chỉnh tăng thêm sản lượng cung cấp than sản xuất điện, đồng thời tổ chức phát động chiến dịch thi đua 90 ngày đêm sản xuất, tiêu thụ than; hưởng ứng chiến dịch, tập thể, CBCNV lao động toàn Công ty đã phát huy tối đa mọi nguồn lực, cùng nhau đoàn kết, do đó Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2018;

Đạt được thành tích nêu trên ngoài sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, CNVC toàn Công ty trong việc điều hành sản xuất, còn có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số khó khăn đó là: Đối với Công ty sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thẩm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là lao động hầm lò gặp nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề trên thị trường lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và duy trì phát triển Công ty ổn định.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	(01/01-: 31/12)/2018
2	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành		0	(01/01-: 31/12)/2018

3.1	Bùi Văn Kiểm	Ủy viên	Điều hành		0,016	(01/01:- 24/04)/2018
3.2	Vũ Tiến Quang	Ủy viên	Điều hành		0,005	(24/04:- 31/12)/2018
4.1	Phạm Thị Hải	Ủy viên	Điều hành		0,015	(01/01:- 24/04)/2018
4.2	Hoàng Trọng Hiệp	Ủy viên	Điều hành		0,004	(24/04:- 31/12)/2018
5	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	16,99	0	(01/01:- 31/12)/2018

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông: Phạm Công Hương đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị ba đơn vị: Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; Công ty cổ phần than Núi Béo- Viancomin và Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2019 Hội đồng Quản trị Công ty không có sự thay đổi về nhân sự, Các Ủy viên HĐQT thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (*Phụ lục 01 kèm theo*):

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên

HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng công đồng quyết nghị.

d) Hoạt động của uỷ viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trong năm 2018, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát : Trong năm 2018, Ban kiểm soát của Công ty có sự thay đổi như sau:

(1) Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Xuân Bách đề nghị chế độ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 24/04/2018

(2) Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Tâm vào Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 24/04/2018

Danh sách Ban kiểm soát năm 2018, bao gồm:

T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1.1	Nguyễn Xuân Bách	Trưởng Ban		0	01/01/2018-:- 24/04/2018
1.2	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban		0	24/04/2018-:- 31/12/2018
2	Dương Hải Yến	Thành viên		0,009%	01/01/2018-:- 31/12/2018
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	01/01/2018-:- 31/12/2018

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2018 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 với tổng số tiền là: 420,4 triệu đồng

* Lương, thưởng của ban Giám đốc: Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2018. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.859 triệu đồng

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2018 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	281,8		281,8	
2	Ban Kiểm soát	3	138,6		138,6	
3	Ban Giám đốc	7	2.859	2.859		
	Tổng số		3.279,4	2.859	420,4	

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Trong năm 2018 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 33/2019/BCKT- PKF.VPC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: mongduongcoal.vn

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

Phụ lục 01: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2018

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	20/1/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Thông qua kết quả thực hiện công tác Đầu tư và Xây dựng năm 2017 và phê duyệt Kế hoạch Đầu tư và Xây dựng năm 2018- Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin; (2) Thông qua nội dung xin phê duyệt bổ sung gói thầu thẩm định giá thanh toán vật tư thiết bị thi công các gói thầu số 10 và số 11 thuộc dự án khu nhà ở công nhân Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.
2	07/NQ-HĐQT	30/1/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 07: Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt Tủ khởi động mềm 6kV phòng nổ trọn bộ, Uđm=6,3kV, Iđm≥140A sử dụng cho khởi động động cơ không đồng bộ; thuộc Dự án đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu cực đoan mỏ than Mông Dương; (2) Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 08: Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt Máy phát hiện Diezen công suất 2.500kVA, Uđm=6,6kV, kèm phụ kiện đồng bộ theo máy; thuộc Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương; (3) Về việc thông qua việc thay đổi nhân sự Ban kiểm soát
3	12/NQ-HĐQT	27/2/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Kế hoạch vay vốn ngắn hạn, dài hạn năm 2018 – Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin; (2) Về kết quả SXKD tháng 2 và ước thực hiện quý I năm 2018 của Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin.
4	17/NQ-HĐQT	15/3/2018	Nghị quyết họp HĐQT thông qua; (1) Thông qua nội dung Thiết kế bản vẽ thi công-dự toán công trình Hầm bơm thoát nước trong hầm lò mức -250 khu Đông Bắc, thuộc dự án đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan than Mông Dương; (2) Thông qua chủ trương điều chỉnh dự án, đề cương dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập BCNCKT dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở công nhân – Công ty than Mông Dương (điều chỉnh); (3) Thông qua dự án sắp xếp tổ chức sản xuất và điều động, bố trí cán bộ một số đơn vị và kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin; (4) Thông qua Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (5) Thông qua nội dung báo cáo thường niên năm 2017 Công Ty CP than Mông Dương - Vinacomin.

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
5	19/NQ-HĐQT	23/4/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Đồng ý cho Ông Hòa Quang Trung - Phó Giám đốc Công ty đi nước ngoài công tác theo Giấy mời của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB); Địa điểm tại Đài Loan;
6	22/NQ-HĐQT	03/4/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Thông qua Phương án khoan (trên mặt) năm 2018 phục vụ khai thác Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (2) Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả SXKD Quý I/2018; Các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD tháng 4 và Quý II/2018; (3) Thông qua đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của Ông Bùi Văn Kiểm – UV HĐQT- Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin.
7	24/NQ-HĐQT	11/4/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu : thi công xây dựng nhà điều hành sản xuất công trường số 2 thuộc dự án Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh); (2) Thông qua nội dung Thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình Đường dây trên không 6kv đến TPP-6kv mặt bằng +40 khu Đông Bắc Mông Dương thuộc dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện thời tiết biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương; (3) Thông qua nội dung Thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình Nhà che trạm phát điện Diezen khu trung tâm Mông Dương và khu Đông Bắc Mông Dương thuộc dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện thời tiết biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương.
8	26/NQ-HĐQT	23/4/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Thông qua nội dung, chương trình đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023; (2) Thông qua dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2018 và chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 – Công ty CP than Mông Dương; (3) Thông qua tờ trình về việc bổ nhiệm lại cán bộ nhiệm kỳ giữ chức.
9	28/NQ-ĐHCD	24/4/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III, nhiệm kỳ 2018-2023 thông qua: (1) Thông qua kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2017, Nhiệm vụ và giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2023 (Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo); (2) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty CP than Mông Dương

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
			<p>năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 -2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 -2023; (3) Thông qua quy chế bầu Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 -2023 và báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử , đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 -2023; (4) Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội; (Phụ lục 03 kèm theo); (5) Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận 2017 và đề xuất mức lợi tức 2018; (6) Thông qua việc chi, trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2017 và kế hoạch 2018; (7) Thông qua Báo cáo của ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty cầu HDQT, Giám đốc điều hành năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013-2017; (8) Thông qua Báo cáo của ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh Hà Nội; (9) Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo năm tài chính 2018 của Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (10) thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020; (11) Thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2013.</p>
10	06/NQ-HDQT	18/5/2018	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 06: Cung cấp lắp đặt đường ống và phụ kiện cho hệ thống thoát nước hầm bơm -250 lên mặt bằng +10 thuộc dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu cực đoan – Mỏ than Mông Dương; (2) Thông qua phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: khai thác giai đoạn II – Mỏ than Mông Dương – Công ty than Mông Dương (điều chỉnh); (3) Thông qua phê duyệt Kế hoạch Đầu tư và Xây dựng năm 2018 Công ty than Mông Dương; (4) Thông qua nhân sự phụ trách Phó Giám Đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải Công ty CP than Mông Dương; (5) Thông qua Phương án bố trí cán bộ phụ trách công tác Kế toán ,Tài chính của Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (6) Thông qua cử cán bộ đi thăm quan, khảo sát công nghệ ở nước ngoài ; (7) Thông qua sáp nhập phòng Thông gió và Thoát nước mở vào phòng Kỹ thuật Công nghệ mỏ; (8) thông qua thành lập phân công nhiệm vụ ban chỉ đạo triển khai đề án tái cơ cấu Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin giai đoạn 2017-2020.</p>

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
	09/NQ-HĐQT	31/5/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua: (1) Thông qua TKBVTC-DT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công đào chống lò các hạng mục công trình: Lò Ngâm vận tải +20/-115 khu Trung Tâm- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (2) Thông qua TKBVTC-DT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công đào chống lò các hạng mục công trình: Lò dọc via vận chuyển mức -250 via M6.TT- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (3) Thông qua phương án kỹ thuật và dự toán các công trình: Quan trắc dịch động tại Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (4) Về việc thông qua chuyển xếp thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương cho cán bộ công nhân viên trong Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.
11	12/NQ-HĐQT	08/6/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Hữu Hùng , số thẻ 7192 – Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp , trưởng phòng Cơ điện Vận tải giữ chức vụ Phó Giám đốc Cơ điện vận tải Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin.
12	15/NQ-HĐQT	13/6/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông phương án bố trí cán bộ thay Trưởng phòng Cơ điện Vận tải Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (2) Thông qua Phương án tổ chức lại sản xuất khu vực Bắc Mông Dương Công ty CP than Mông Dương; (3) Thông qua Kế hoạch và biện pháp triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017 – 2020 Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin
13	18/NQ-HĐQT	03/7/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua phương án Quan trắc lưu lượng nước mỏ, đánh giá mối quan hệ giữa nước mặt và nước hầm lò mỏ than Mông Dương- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.
14	21/NQ-HĐQT	27/7/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua phương án hợp nhất phòng TPK và phòng BQ của Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (2) Thông qua Phương án tổ chức cho CBCNV xuất sắc của Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin đi nghỉ mát tại Vũng Tàu- Phú Quốc và Đà loan; (3) Thông qua kết quả SXKD tháng 7; các giải pháp thực hiện KH SXKD tháng 8/2018 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin.

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
15	25/NQ-HĐQT	14/8/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thi công đào chống các hạng mục công trình: Lò Ngâm vận tải +20/-115 khu Trung Tâm- Công ty Cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; (2) Về việc xin thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thi công đào chống các hạng mục công trình: Lò dọc vỉa vận chuyển mức -250 vỉa M6.TT - Công ty Cổ phần than Mông Dương – Vinacomin;
16	28/NQ-HĐQT	21/8/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công)- Dự toán (viết tắt là TKBVTC-DT) khối lượng thi công năm 2018 thuộc Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu Trung tâm mỏ than Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; (2) Thông qua việc chuyển đổi Quy chế nghiệm thu khối lượng mỏ Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2500/QĐ-TMD, ngày 24 tháng 12 năm 2015) bằng Quy định nghiệm thu khối lượng mỏ Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin.
17	34/NQ-HĐQT	2/10/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua chủ trương đầu tư, Nhiệm vụ thiết kế và dự toán lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt công suất 1000m ³ /ngày-đêm và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m ³ /ngày-đêm; (2) Thông qua phương án bố trí Quản đốc phân xưởng Đào lò 6- Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin; (3) Thông qua phương án tổ chức lại sản xuất phân xưởng Khai thác 5- khu vực Bắc Mông Dương của Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin; (4) Thông qua việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để bổ nhiệm cán bộ Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (5) Thông qua thanh lý nhượng bán tài sản cố định, hết khấu hao không còn khả năng sửa chữa phục hồi; (6) Thông qua kết quả SXKD Quý III/2018; Kế hoạch SXKD Quý IV/2018- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (7) Thông qua quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020 (Điều chỉnh bổ sung năm 2018) và Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025.

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
18	37/NQ-HĐQT	16/10/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua Phương án Bố trí cán bộ cho phân xưởng Đào lò 6- Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin.
19	40/NQ-HĐQT	03/11/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua chủ trương đầu tư, nhiệm vụ thiết kế và dự toán lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; (2) Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 (điều chỉnh)- Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; (3) Thông qua kết quả SXKD tháng 10/2018; Kế hoạch SXKD tháng 11/2018- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.
20	43/NQ-HĐQT	13/11/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua phê duyệt điều chỉnh khối lượng - Dự toán của Quyết định số 1509/QĐ/TMD ngày 24/8/2018 của Giám đốc Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin và Thông qua Thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công)- Dự toán (viết tắt TKBVTC-DT) khối lượng bổ sung trong Kế hoạch thăm dò khảo sát năm 2018 thuộc Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu Trung tâm mỏ than Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
21	46/NQ-HĐQT	05/12/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua bổ nhiệm Ông Phạm Cẩm Hải giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.
22	48/NQ-HĐQT	12/12/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua Quy chế quản lý Vật tư của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin.
23	52/NQ-HĐQT	24/12/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua bổ nhiệm Ông Phạm Cẩm Hải giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.

TT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
24	55/NQ-HĐQT	28/12/2018	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Thông qua phê duyệt dự toán (điều chỉnh) Phương án khoan (trên mặt) năm 2018 phục vụ khai thác - Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (2) thông qua TKBVTC-DT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công đào chống lò các hạng mục công trình: Lò DVVC mức -250 N5 Cánh Tây và thượng TGVD mức -250 :- -140 N5 Cánh Tây và lò XV mức -140 :- -100 N5-M6 Cánh Tây - Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin;